TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 136/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 4 - 2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Ngọc Liêm

2. Bà Hồ Thị Thanh Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Nhựt Huy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 365/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2026/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 10/7/1985; CCCD số 089185027945, cấp ngày 09/7/2025;

Đăng ký thường trú: Ấp M, xã N, tỉnh An Giang (trước đây là ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang); chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã C, tỉnh An Giang (trước đây là ấp H, xã V, huyện C, tỉnh An Giang) (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1986; CCCD số 089086005327;

Nơi cư trú: Số G, tổ G, ấp M, xã N, tỉnh An Giang (trước đây là số 79, tổ G, ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn L do mai mối nên tiến đến hôn nhân vào năm 2004. Đến ngày 15/6/2006, chị Nguyễn

Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh An Giang). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ anh Nguyễn Văn L địa chỉ số G, tổ G, ấp M, xã N, tỉnh An Giang (trước đây là ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang), đến khoảng năm 2016 thì lên Bình Dương để sinh sống và làm việc. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Nguyễn Văn L thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình (cụ thể hằng ngày anh Nguyễn Văn L thường xuyên rủ rê bạn bè tập tụ uống rượu, không kiếm việc làm mà cũng không chịu lo cơm nước trong gia đình, mặc dù chỉ có chị Nguyễn Thị Tuyết N đi làm để tạo ra thu nhập cho gia đình) dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhưng vì nghĩ đến con nên chị Nguyễn Thị Tuyết N tiếp tục sống với anh Nguyễn Văn L. Đến khoảng 2022, anh Nguyễn Văn L không thay đổi, vẫn thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, chăm lo cho gia đình; không những vậy, anh Nguyễn Văn L còn có tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên vợ chồng cãi vã ngày càng nhiều. Cũng trong năm 2022, anh Nguyễn Văn L bỏ nhà đi theo người phụ nữ khác, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay; ngoài ra không còn nguyên nhân nào khác. Những mâu thuẫn chị Nguyễn Thị Tuyết N vừa trình bày đều xảy ra trên tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh). Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên không có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn L; bản thân chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn L cũng không cho nhau cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên vợ chồng không hàn gắn tình cảm được. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị Tuyết N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn L có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Chí H, sinh ngày 25/4/2005 và Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 19/8/2008. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Tuyết N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 19/8/2008; đối với con chung Nguyễn Chí H, sinh ngày 25/4/2005 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không yêu cầu anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, Giấy khai sinh của con chung.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Chị Nguyễn Thị Tuyết N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Anh Nguyễn Văn L vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết N. Về quan hệ hôn nhân, chị Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với anh Nguyễn Văn L. Về con chung, chị Nguyễn Thị Tuyết N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 19/8/2008; anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Nguyễn Chí H, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, Giấy khai sinh của con chung, anh Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại số G, tổ G, ấp M, xã N, tỉnh An Giang. Tại Biên bản xác minh ngày 05/3/2026 (BL: 19), hiện nay, anh Nguyễn Văn L có đăng ký thường trú và cư trú tại số G, tổ G, ấp M, xã N, tỉnh An Giang nhưng thường vắng mặt tại địa phương, do không có trình báo chính quyền địa phương nên không xác định anh Nguyễn Văn L đi đâu. Căn cứ Điều 11 Luật Cư trú, Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú của anh Nguyễn Văn L tại số G, tổ G, ấp M, xã N, tỉnh An Giang để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Chị Nguyễn Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Nguyễn Văn L và yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Nguyễn Văn L (bị đơn) có nơi cư trú tại số G, tổ G, ấp M, xã N, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[1.3] Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L của chị Nguyễn Thị Tuyết N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Nguyễn Thị Tuyết N cho rằng, chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh An Giang). Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Nguyễn Văn L thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, không quan tâm, chăm lo cho gia đình và có tình cảm với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng và vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên không có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn L; bản thân chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn L cũng không cho nhau cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên vợ chồng không hàn gắn tình cảm được. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị Tuyết N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Anh Nguyễn Văn L vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Xét thấy, chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết N theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn L theo quy định của pháp luật nhưng anh Nguyễn Văn L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không hòa giải được, thể hiện anh Nguyễn Văn L không còn thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn L nên lời trình bày của chị Nguyễn Thị Tuyết N về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn L đã lâm vào tình trạng trầm trọng là có cơ sở chấp nhận. Do đó, có căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị Nguyễn Thị Tuyết N yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn L phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tuyết N về việc để anh Nguyễn Văn L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Nguyễn Thị Tuyết N xác định chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn L có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 19/8/2008 và Nguyễn Chí H, sinh ngày 25/4/2005. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Tuyết N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 19/8/2008, do con chung đang sống với chị Nguyễn Thị Tuyết N; không yêu cầu anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Nguyễn

Chí H, sinh ngày 25/4/2005, do đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn L vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Xét thấy, việc giao con chung là người chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng khi chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn L ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Căn cứ lời trình bày của chị Nguyễn Thị Tuyết N, cháu Nguyễn Ngọc N1 hiện nay đang sống với chị Nguyễn Thị Tuyết N; quá trình sinh sống với chị Nguyễn Thị Tuyết N, con chung vẫn phát triển tốt; tại Biên bản ghi nhận ý kiến của con chung ngày 20/01/2026 (BL: 18), cháu Nguyễn Ngọc N1 có nguyện vọng được sống với chị Nguyễn Thị Tuyết N. Để ổn định cuộc sống cho cháu Nguyễn Ngọc N1, giúp cháu Nguyễn Ngọc N1 phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của Nguyễn Thị Tuyết N khi chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn L ly hôn phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Đối với con chung tên Nguyễn Chí H, sinh ngày 25/4/2005. Hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên chị Nguyễn Thị Tuyết N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn L ly hôn nên anh Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị Nguyễn Thị Tuyết N không yêu cầu anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

[2] Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Tuyết N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 19/8/2008. Hiện nay, con chung đang sống với chị Nguyễn Thị Tuyết N.

Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Tuyết N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0008000 ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 11 - An Giang;
- Thi hánh án dân sự tỉnh An Giang;
- UBND xã Nhơn Mỹ, tỉnh An Giang (trước đây là UBND xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phước Sang